

Bản án số: 217/2024/KDTM-PT

Ngày: 09/9/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm Phán: 1. Bà Lưu Thị Đoan Trang
2. Ông Đỗ Quốc Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Bà Vũ Thị Yến – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09/9/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí
Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLPT-KDTM ngày
22/7/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 919/2024/KDTM-ST ngày
23/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4216/2024/QĐ-PT ngày
30/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12706/2024/QĐ-PT ngày 23/8/2024, giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H

Địa chỉ: Số A Đ, phường Đ, Quận A, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Phan Thị Cẩm V; Địa chỉ: Số A Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí
Minh (Theo Giấy ủy quyền số 225/GUQ-KK ngày 16/01/2024).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: A Quốc lộ A, Phường B, quận B, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Mai Trung Đ hoặc ông Phạm Trần L; Cùng địa chỉ: Số A T, Khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2024).

Người kháng cáo: Công ty TNHH S - là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H - VNSTEEL trình bày:*

Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố H (Viết tắt Công ty V) và Công ty TNHH S (Viết tắt Công ty A) có ký 01 hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 486-2022/HMC/XN2-AH ngày 08/09/2022 và 02 bảng báo giá ngày 08/09/2022 và ngày 13/09/2022. Hai bên thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa.

Công ty A đã nhận tổng cộng 126.120 kg thép, tổng số tiền phải thanh toán là 1.844.081.525 đồng thể hiện qua 03 hóa đơn :

- Hóa đơn số 276 ngày 10/9/2022 với khối lượng 47.890 kg, giá trị thanh toán 700.398.556 đồng, hạn thanh toán ngày 10/10/2022, lãi chậm trả (nếu có) 13,5%/năm theo báo giá ngày 08/09/2022.

- Hóa đơn số 280 ngày 12/9/2022 với khối lượng 60.420 kg, giá trị thanh toán 883.651.626 đồng, hạn thanh toán ngày 12/10/2022, lãi chậm trả (nếu có) 13,5%/năm theo báo giá ngày 08/09/2022.

- Hóa đơn số 286 ngày 14/9/2022 với khối lượng 17.810 kg, giá trị thanh toán 260.031.343 đồng, hạn thanh toán ngày 14/10/2022, lãi chậm trả (nếu có) 13,5%/năm theo báo giá ngày 13/09/2022.

Sau khi nhận hàng Công ty A đã thanh toán tổng số tiền là: 320.000.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 31/03/2023 thanh toán: 150.000.000 đồng

Ngày 22/04/2023 thanh toán: 70.000.000 đồng

Ngày 09/08/2023 thanh toán: 100.000.000 đồng

Sau đó Công ty A không thanh toán nữa dù Công ty V nhiều lần nhắc nhở.

Theo biên bản làm việc ngày 27/06/2023; Công ty A cam kết trả nợ cụ thể như sau: Nợ gốc trước ngày 07/07/2023 thanh toán ít nhất 50% tổng nợ gốc và lãi quá hạn tương đương số tiền 900.000.000 đồng. Chậm nhất đến ngày 25/07/2023 trả hết nợ gốc và lãi quá hạn còn lại, nhưng Công ty A không thực hiện như cam kết đã ký.

Ngày 31/8/2023 Công ty A và Công ty V tiến hành đối chiếu xác nhận công nợ. Các bên ký xác nhận số tiền nợ Công ty A còn phải trả Công ty V số tiền hàng là 1.524.081.525 đồng và lãi chậm trả là 275.054.229 đồng.

Công ty A chỉ mới thanh toán cho Công ty V số tiền nợ gốc là 60.000.000

đồng (cụ thể ngày 30/9/2023 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 29/12/2023 thanh toán 50.000.000 đồng). Vậy số nợ gốc còn thiếu là: 1.464.081.525 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng thì Công ty A còn phải chịu thêm lãi phát sinh do chậm trả là 13.5%/ năm.

Căn cứ theo Mục 4.1 Điều III của Hợp đồng số 486-2022/HMC/XN2-AH ngày 08/09/2022. Khoản tiền nợ quá hạn (nếu có) theo từng đơn hàng, thông báo giá, hoặc phụ lục hợp đồng, Bên B phải trả cho Bên A tiền lãi chậm trả, theo công thức sau:

Tiền lãi chậm trả = số tiền nợ quá hạn (x) số ngày trễ hạn (x) mức lãi suất chậm trả năm/365 ngày. Mức lãi suất chậm trả được áp dụng theo mức lãi suất quá hạn mà Bên A đang áp dụng cho khách hàng theo từng thời điểm (hiện nay là 13,5%/năm).

Vậy tổng số tiền, Công Ty A hoàn trả tính đến ngày 23/5/2024 là 1.819.071.632 đồng (Trong đó nợ gốc: 1.464.081.525 đồng và nợ tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/10/2022 đến hết ngày 23/5/2024 là: 354.990.107 đồng).

** Đại diện bị đơn có mặt tại phiên tòa trình bày xác nhận có nợ của nguyên đơn số tiền và lãi như nguyên đơn đã yêu cầu.* Tuy nhiên bị đơn yêu cầu được trả từng đợt vì điều kiện Công ty hiện đang khó khăn.

Bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 919/2024/KDTM-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93,94, Điều 147, 203,207,208, 220, 227, 228, 244, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Áp dụng Điều 24, 50, 300, 305, 306,319 Luật thương mại 2005

Áp dụng Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty CP Kim Khí TP.Hồ Chí Minh-Vnsteel

Buộc Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại An Huy có trách nhiệm trả cho Công ty CP K- Vnsteel số tiền tạm tính đến ngày 23/5/2024 là 1.819.071.632 đồng (gốc là 1.464.081.525 đồng và lãi 354.990.107 đồng) Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công Ty TNHH S còn phải thanh toán cho Công ty CP K- Vnsteel tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 24/5/2024 theo mức lãi suất 13.5%/năm trên số dư nợ gốc thực nợ cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công Ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.572.149 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

H lại cho Công ty CP K- Vnsteel số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 32.987.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0029107 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 04/6/2024, Công ty A có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 919/2024/KDTM-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, lý do cấp sơ thẩm xét xử chưa khách quan, chưa đầy đủ chứng cứ, các tình tiết có trong hồ sơ ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không xuất trình thêm chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không tính lãi đối với phần chậm thanh toán và cho Công ty A có thời gian thanh toán nợ là 12 tháng.

* Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty A. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 919/2024/KDTM-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 của nguyên đơn cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0304711608 đăng ký lần đầu ngày 16/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/4/2023 thì Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở chính số A Quốc lộ A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định. Mục [1] trang 3 Bản án sơ thẩm xác định thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên phần Quyết định của Bản án sơ thẩm ghi khoản 1 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác, cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[1.2] Bị đơn là Công ty A kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và đã thực hiện nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đại diện bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn xác nhận có nợ của nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn đã yêu cầu. Tuy nhiên bị đơn yêu cầu được trả từng đợt vì điều kiện Công ty hiện đang khó khăn.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đại diện bị đơn nộp cho tòa phúc thẩm, bị đơn chỉ yêu cầu xem xét không tính lãi đối với phần chậm thanh toán và cho Công ty A có thời gian thanh toán nợ là 12 tháng.

Hội đồng xét xử đã động viên nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bị đơn.

[2.2] Xét phần lãi chậm trả:

Cấp sơ thẩm căn cứ Bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/8/2024 thể hiện bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền hàng là 1.524.081.525 đồng (đã trả tiền nợ gốc 60.000.000 đồng chỉ còn thiếu số tiền nợ gốc là 1.464.081.525 đồng) và lãi chậm trả là 354.990.107 đồng tính từ 10/10/2022 đến 23/5/2024. Trong Bản đối chiếu

xác nhận công nợ hai bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn phải trả là 18%/năm.

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa Khoản 4.1 Điều 4 có quy định: “Tiền lãi chậm trả = số nợ quá hạn x số ngày trễ hạn x mức lãi suất chậm trả năm/365 ngày”. Theo đó M lãi suất chậm trả được áp dụng theo mức lãi suất quá hạn mà bên A đang áp dụng cho khách hàng theo từng thời điểm”. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi quá hạn với mức lãi suất 13,5% thì số tiền lãi chậm trả được tính như sau:

[2.2.1]. Hóa đơn số 276 ngày 10/09/2022 với khối lượng 47.890 kg giá trị thanh toán 700.398.556 đồng hạn thanh toán 10/10/2022.

(i) Tiền lãi chậm trả từ 10/10/2022 đến 31/03/2023: 173 ngày.

$700.398.556 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 173 \text{ ngày} = 44.815.913 \text{ đồng (1)}$

(ii) Ngày 31/03/2023 bên B trả 150.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 550.398.556 đồng ($700.398.556 - 150.000.000$), bên B chậm trả từ 01/04/2023 đến 22/04/2023 là 22 ngày

$550.398.556 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 22 \text{ ngày} = 4.478.586 \text{ đồng (2)}$

(iii) Ngày 22/04/2023 Bên B trả 70.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 480.398.556 đồng ($550.398.556 - 70.000.000$), số ngày chậm trễ từ 23/04/2023 đến 09/08/2023 là 109 ngày.

$480.398.556 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 109 \text{ ngày} = 19.367.301 \text{ đồng (3)}$

(iv) Ngày 09/08/2023 Bên B trả 100.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 380.398.556 đồng ($480.398.556 - 100.000.000$), số ngày chậm trễ từ 10/08/2023 đến 30/09/2023 là 52 ngày.

$380.398.556 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 52 \text{ ngày} = 7.316.159 \text{ đồng (4)}$

(v) Ngày 30/09/2023 Bên B trả 10.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 370.398.556 đồng ($380.398.556 - 10.000.000$), số ngày chậm trễ từ 01/10/2023 đến ngày 29/12/2023 là 90 ngày.

$370.398.556 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 90 \text{ ngày} = 12.329.705 \text{ đồng (5)}$

(vi) Ngày 29/12/2023 Bên B trả 50.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại 320.398.556 đồng ($370.398.556 - 50.000.000$), số tiền chậm trễ từ ngày 30/12/2023 đến ngày 23/5/2024 là 146 ngày

$320.398.556 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 146 \text{ ngày} = 17.301.522 \text{ đồng (6)}$

[2.2.2]. Hóa đơn số 280 ngày 12/09/2022 với khối lượng 60.420 kg, giá trị thanh toán 883.651.626 đồng, hạn thanh toán ngày 12/10/2022.

(vii) Tiền lãi chậm trả từ 12/10/2022 đến 23/5/2024: 590 ngày.

$883.651.626 \text{ đồng} \times 13.5\%/365 \times 590 \text{ ngày} = 192.829.732 \text{ đồng (7)}$

[2.2.3]. Hóa đơn số 286 ngày 14/09/2022 với khối lượng 17.810 kg, giá trị thanh toán 260.031.343 đồng, hạn thanh toán ngày 14/10/2022.

(viii) Tiền lãi chậm trả từ 14/10/2022 đến 23/5/2024: 588 ngày.

260.031.343 đồng x 13.5%/365 x 588 ngày = 56.551.189 đồng (8)

Cộng tiền lãi chậm trả 03 hóa đơn trên, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 10/10/2022 đến ngày 23/05/2024, tổng số tiền là: 354.990.107 (1+2+3+4+5+6+7+8).

[3] Cấp sơ thẩm có viện dẫn căn cứ Điều 306 Luật Thương Mại quy định quyền yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán nhưng không thu thập lãi suất 03 ngân hàng để tính trung bình như quy định tại Điều 11 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao mà lại xác định nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 13,5%/năm đối với số tiền thanh toán quá hạn theo mức lãi suất theo thỏa thuận và không lớn hơn số lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa chính xác. Đây là vụ án kinh doanh thương mại nên không áp dụng Bộ luật dân sự như án sơ thẩm nhận định.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thu thập lãi suất trung, dài hạn của Ngân hàng TMCP C cung cấp ngày 05/4/2024 là 12,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 18,75%/năm; Ngân hàng TMCP N cung cấp ngày 26/3/2024 là 10,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 15,75%/năm; Ngân hàng N1 cung cấp ngày 22/3/2024 là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 13,5%/năm. Vậy lãi suất trung bình của 03 ngân hàng trên là 13,9%/năm. Các đương sự thỏa thuận lãi chậm trả 18%/năm là cao hơn lãi suất trung bình của 03 ngân hàng (theo quy định Điều 306 Luật thương mại), tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị lãi chậm trả 13,5% là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận.

Tiền lãi do chậm thanh toán cấp sơ thẩm xác định là 354.990.107 đồng là phù hợp nên cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm. Bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Công ty A không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH S.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 919/2024/KDTM-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H - Vnsteel

3.1 Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H - Vnsteel số tiền tạm tính đến ngày 23/5/2024 là 1.819.071.632 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 1.464.081.525 đồng và lãi do chậm thanh toán là 354.990.107 đồng, tất cả thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH S còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H - Vnsteel tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 24/5/2024 theo mức lãi suất 13,5%/năm trên số dư nợ gốc thực nợ cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

3.2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.572.149 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

H lại cho Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H - Vnsteel số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 32.987.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0029107 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công Ty TNHH S phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028505 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Bình Thạnh;
- TAND quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo